

KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN CÔNG KHAI NĂM HỌC 2025-2026
(Công khai 6 tháng cuối năm 2025)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT- BGD&ĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư “Ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân”;

Trường mầm non Diễn Phú thực hiện công khai như sau:

I. Mục đích của công khai

1. Minh bạch các thông tin có liên quan của cơ sở giáo dục để nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người lao động, người học, gia đình người học và xã hội biết, tham gia giám sát hoạt động của cơ sở giáo dục.

2. Tăng cường trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục.

II. Nguyên tắc thực hiện công khai

1. Việc thực hiện công khai bảo đảm đúng các quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật liên quan.

2. Thông tin công khai bảo đảm chính xác, rõ ràng, đầy đủ, kịp thời, dễ tiếp cận.

III. Thông tin chung về cơ sở giáo dục và nội dung công khai

1. Tên cơ sở giáo dục:

Trường Mầm non Diễn Phú.

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm Song Sơn và xóm Tân Phú xã Tân Châu, tỉnh Nghệ An, địa chỉ thư điện tử mndienphu.dc@nghean.edu.vn, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục Websitet mamnondienphutanchau.edu.vn (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử). Feacboock Trường MN Diễn Phú.

3. Loại hình của cơ sở giáo dục;

Trường hạng I, trường công lập tự chủ một phần kinh phí do UBND xã Tân Châu quản lý trực tiếp..

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

* **Sứ mạng:** Với phương pháp giảng dạy lấy trẻ làm trung tâm, chú trọng rèn luyện kỹ năng, khám phá, trải nghiệm. Xây dựng môi trường giáo dục An toàn - Thân thiện - Hạnh phúc, truyền cảm hứng, năng động sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao, với phương châm "Cháu mạnh khỏe vui vẻ - Cô hạnh phúc – phụ huynh yên lòng".

* **Tầm nhìn:** Đến năm 2030 nhà trường đạt trường chuẩn quốc gia mức độ II, kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3. Xây dựng trường, lớp tiên tiến theo xu thế hội nhập.

* **Mục tiêu:** Nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ đạt kết quả mong đợi theo VBHN số 01, trẻ có tính độc lập - sự tự tin - tính kỷ luật - sự tôn trọng - tinh thần hợp tác chia sẻ-tình yêu thương nhân ái.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Mầm non Diễn Phú được thành lập năm 1976. Năm 2011, được chuyển đổi từ trường mầm non bán công sang trường mầm non công lập tự chủ một

phần kinh phí theo Quyết định số: 1024 /QĐ-UBND ngày 10/6/2011 của UBND huyện Diễn Châu. Trường mầm non Diễn Phú có 2 điểm, điểm 1 đặt ở vị trí trung tâm, tại Xóm Song Sơn, điểm 2 đặt ở vị trí tại xóm Tân Phú xã Tân Châu, tỉnh Nghệ An, thuận lợi cho việc phụ huynh đưa trẻ đến trường. Trường có tổng diện tích 16.321,8 m², Có 1 dãy nhà kiên cố, 3 dãy nhà bán kiên cố, có 15 phòng học, có 3 phòng chức năng, hỗ trợ (1 phòng GD nghệ thuật, 1 phòng đa năng, 1 thể chất), có 12 phòng hành chính, hỗ trợ (1 HT, 1 PHT, 1 VP, 1 y tế, 1 hành chính, 1 phòng nhân viên, 1 nhà bảo vệ, 2 khu để xe, 3 khu vệ sinh cho CBGVNV), có 2 bếp nấu, có một số phòng chưa đạt tiêu chuẩn, có 2 cổng, hàng rào kiên cố đảm bảo quy chuẩn. Trường được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 năm học 2016-2017; kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 năm học 2021-2022; và trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 năm học 2015-2016 (lần 1) năm học 2021-2022 (lần 2) và dự kiến công nhận lại sau 5 năm đó là năm học 2026-2027; Trường dự kiến xây dựng trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 và đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 năm học 2027-2028; Trường có bề dày về thành tích kể từ năm học 1999-2000 sau 25 năm phát triển nhà trường đã đạt 19 danh hiệu như: 4 lần đạt tập thể LĐTTXS cấp tỉnh; 15 lần đạt tập thể lao động LĐTT cấp huyện, chuyên đề phối hợp nhà trường, gia đình và cộng đồng trong công tác CSGD trẻ ở trường MN. Chi bộ luôn hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đoàn thanh niên HTXSNV.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ.

Người đại diện pháp luật: Cao Thị Hải Yến - Hiệu trưởng trường MN Diễn Phú; 0978791419; haiyenmnda@gmail.com

Người đại diện liên hệ: Hoàng Thị Phương Nga – Phó hiệu trưởng trường MN Diễn Phú; 0987928378; phuongnga.dienchau@gmail.com

Người đại diện liên hệ: Cao Thị Tân – Phó Hiệu trưởng trường MN Diễn Phú; 0349870992; caothitankhanh@gmail.com.

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập trường, có chi bộ, đoàn thanh niên, tổ chuyên môn, các hội đồng khác, có ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 của UBND huyện Diễn Châu về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý trường học (bà Cao Thị Hải Yến - HT);

Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của UBND huyện Diễn Châu về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý trường học (bà Hoàng Thị Phương Nga - PHT);

Quyết định số 2445/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 của UBND huyện Diễn Châu về việc luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ quản lý trường học (bà Cao Thị Tân PHT);

c) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục; (Tại Văn phòng)

d) Quyết định thành lập trường

Quyết định số: 145/QĐ-UBND ngày 25/01/2010 của UBND huyện Diễn Châu về việc thành lập trường Mầm non.

Quyết định số: 1024/QĐ-UBND ngày 10/6/2011 của UBND huyện Diễn Châu về việc chuyển đổi loại hình trường mầm non.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục.

Bà: Cao Thị Hải Yến – Hiệu trưởng trường MN Diên Phú; 0978791419; 0978791419; haiyenmnda@gmail.com. (có bảng phân công nhiệm vụ cụ thể - [[H6-1.4-01]])

Bà: Hoàng Thị Phương Nga – Phó hiệu trưởng trường MN Diên Phú; 0987928378; phuongnga.dienchau@gmail.com. (có bảng phân công nhiệm vụ cụ thể- [[H6-1.4-01]])

Cao Thị Tân – Phó Hiệu trưởng trường MN Diên Phú; 0349870992; caothitankhanh@gmail.com (có bảng phân công nhiệm vụ cụ thể [H6-1.4-01])

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (có bảng mã hóa minh chứng kèm theo).

IV. Thu, chi tài chính

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động năm học 2024-2025 như sau:

TT	Nội dung	Thu	Chi	Tồn
I	Thu ngân sách 2025	6.036.989.000	6.036.989.000	0
1	Lương và các khoản theo lương		5.167.755.120	
2	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ		170.952.975	
3	Chi hỗ trợ người học (CĐCS)		25.780.000	
4	Chi khác (CM, thường xuyên)		672.500.905	
II	Thu học phí 2025 (T9-T12)	63.902.000	63.902.000	0
1	Chi 40% hỗ trợ lương		63.902.000	
III	Thu dịch vụ	1.204.993.000	1.204.993.000	0
1	Thu chi phí bán trú	853.277.000	853.277.000	0
	Tiền ăn của trẻ 4 tháng	631.580.000	631.580.000	0
	Thuê nấu ăn, chi phí tổ chức BT	169.200.000	169.200.000	
	Mua sắm vật dụng, đồ dùng	52.497.000	52.497.000	
2	Tặng cường tiếng anh	0	0	0
IV	Thu tự nguyện	0	0	
3	Nguồn tài trợ XHH GD	0	0	
4	Nguồn hội phí	0	0	0

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

TT	Nội dung	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027	Năm học 2027-2028
1	Học phí quy định/tháng	0 đồng	0 đồng	0 đồng
2	Thỏa thuận: tiền ăn/ngày	20.000 đồng	20.000 đồng	20.000 đồng
3	Tiền nước uống BT/tháng	6.000 đồng	6.000 đồng	6.000 đồng
4	Chi phí thuê nấu, đồ dùng/tháng	91.000 đồng	100.000 đồng	110.000 đồng
5	Chi phí mua sắm/năm	108.000đồng	120.000đồng	125.000đồng

6	Tự nguyện tài trợ	Không triển khai
7	Hội phí	Không triển khai

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

TT	Năm học	Tổng số tiền			
		Miễn, giảm học phí	Hỗ trợ tiền ăn	Chi phí học tập và học bổng theo TT42	Tổng tiền
I	Năm học 2025-2026	188.400.000	6.400.000	9.888.000	204.688.000
1	Học kỳ 1	188.400.000	6.400.000	9.888.000	204.688.000

V. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục mầm non (2025-2026)

TT	Nội dung	Tổng	CBQL	Giáo viên	Nhân viên
1	Tổng số	33	3	28	2
2	Trình độ chuyên môn	33	3	28	2
	<i>Cao đẳng</i>	<i>12</i>	<i>0</i>	<i>11</i>	<i>1</i>
	<i>Đại học</i>	<i>20</i>	<i>2</i>	<i>17</i>	<i>1</i>
	<i>Thạc sỹ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
3	Đạt chuẩn nghề nghiệp	33	3	28	2
	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>100%</i>	<i>100%</i>	<i>100%</i>	<i>100%</i>
4	Hoàn thành BD hàng năm	33	3	28	2
	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>100%</i>	<i>100%</i>	<i>100%</i>	<i>100%</i>

2. Thông tin về cơ sở vật chất:

TT	Nội dung	Tiêu chuẩn mức độ 2 m2/trẻ	Số m2/phòng	Số phòng theo yêu cầu	Số phòng thực tế	Số m2 phòng thực tế
I	Quy mô					
1	Diện tích	12 m2	55	15	15	16.321,8
2	Điểm trường	2			2	2
3	Bình quân m2/trẻ	12 m2/trẻ			34,9	55
4	Số nhóm lớp	15	``		15	55
II	Phòng CSNDGD					
1	P sinh hoạt chung	1,5 m2/trẻ	55 m2	15	15	825 m2
2	Phòng ngủ	1,2 m2/trẻ	52 m2	15	1	55m2
3	Phòng vệ sinh	0,4 m2/trẻ	14 m2	15	15	210m2
4	Phòng kho	6 m2/phòng	6 m2	15	15	90 m2
5	Phòng giáo viên	12m2/phòng	12 m2	14	0	0
6	Hiên trước	0,5 m2/trẻ	17,5 m2	15	15	262,5 m2
7	Hiên sau	0,5 m2/trẻ	17,5 m2	15	5	87,5 m2
III	P phục vụ học tập					
1	Phòng thể chất	2 m2/trẻ	70 m2	2	1	55 m2
2	Phòng nghệ thuật	2 m2/trẻ	70 m2	2	1	55 m2
3	Phòng đa năng	2 m2/trẻ	70 m2	2	1	500m2
4	Phòng ngoại ngữ	40 m2/phòng	40 m2	2	0	0
5	Phòng tin học	40 m2/phòng	40 m2	2	0	0
6	Phòng thư viện	70 m2/phòng	70 m2	2	0	0
7	P. tư vấn tâm lý	10 m2/phòng	10 m2	1	0	0
IV	P. hành chính q					

	trị					
1	Phòng hiệu trưởng	12 m2/phòng	12 m2	1	1	20 m2
2	Phòng PHT	10 m2/phòng	10 m2	1	2	40 m2
3	Phòng văn phòng	6 m2/người		1	1	55 m2
4	Phòng h chính, q trị	12 m2/phòng	12 m2	1	1	10 m2
5	Phòng nhân viên	10 m2/phòng	10 m2	2	1	10m2
6	Phòng bảo vệ	10 m2/phòng	10 m2	2	1	20 m2
7	Khu vệ sinh GV			2	2	20 m2
8	Khu để xe			2	2	100 m2
V	Phòng tổ chức ăn					
1	Bếp nấu	0,3m2/trẻ		2	2	200 m2
2	Kho lương thực	10 m2/phòng	10 m2	2	1	12 m2
3	Kho thực phẩm	12 m2/phòng	12 m2	2	0	0
VI	Phòng phụ trợ					
1	Phòng họp	1,2m2/người		1	0	0
2	Phòng y tế	10 m2/phòng	10 m2	1	1	10 m2
3	Phòng kho chung	40 m2/phòng		2	2	40m2
4	Sân vườn	3 m2/trẻ				
5	Cổng hàng rào			Đạt	Đạt	Đạt
VII	Hạ tầng kỹ thuật					
1	Hệ thống nước sạch			Đạt	Đạt	Đạt
2	Hệ thống điện lưới			Đạt	Đạt	Đạt
3	Hệ thống mương			Đạt	Đạt	Đạt
4	Thu gom rác thải			Đạt	Đạt	Đạt
VIII	Thiết bị, Đ D Đ C			Đạt	Đạt	Đạt
IX	Đồ chơi ngoài trời			Đạt	Đạt	Đạt
XI	Tài liệu học liệu			Đủ	Đủ	Đủ

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

TT	Mốc thời gian, năm học	Số quyết định, văn bản công nhận	
		Kiểm định chất lượng GD	Đạt trường chuẩn quốc gia
1	2015-2016		QĐ số 3975/QĐ-UB.VX ngày 121/8/2016 của UBND tỉnh Nghệ An. Mức độ I (Lần đầu)
2	2016-2017	QĐ số 860/QĐ-SGDĐT ngày 03/7/2017 của Sở GD&ĐT Nghệ An. Cấp độ 3.	
3	2021-2022	Cấp độ 2.	QĐ số 5184/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Nghệ An. Mức độ I (Lần 2)
4	2026-2027	Cấp độ 3 (dự kiến)	Mức độ 2 (dự kiến)

4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:

TT	Nội dung	Tiếng anh
1	Tên trung tâm	T.TÂM ANH NGŨ OLYMPIC DC Địa chỉ trụ sở chính tại: Đường Tái Định Cư, Xóm 6, Xã Diễn Thành, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An. Đại diện: Ông Ngô Văn Hoạch – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Điện thoại liên hệ: 0977.503.360. Đăng ký kinh doanh số: 2901279706 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 25 tháng 10 năm 2010
2	Số trẻ tham	154 cháu/7 lớp

	gia	
3	Số tiền học phí/tiết	21.060 đ/tiết

VI. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học:

a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

Huy động hết số trẻ độ tuổi 3-5 tuổi trên địa bàn ra lớp. Ưu tiên tuyển thẳng con của gia đình thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Chính phủ; con của gia đình thuộc diện chính sách (có bố hoặc mẹ là liệt sỹ; Thương binh, bệnh binh, và người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, con của quân nhân đang công tác tại biên giới, hải đảo); con của gia đình công nhân làm việc ở các nhà máy, khu công nghiệp cư trú trên địa bàn trường đóng có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập thấp, không ổn định. Ưu tiên tuyển bổ sung đối với trẻ em 5 tuổi (sinh 2020)

Trẻ nhà trẻ 75 cháu, trẻ 3 tuổi 25 cháu, trẻ 4 tuổi 0; trẻ 5 tuổi 0 cháu.

+ Ngày 02/06/2025 xây dựng kế hoạch tuyển sinh rồi báo cáo kế hoạch tuyển sinh với UBND xã và phòng GD&ĐT.

+ Từ ngày 02/6/2025 đến ngày 10/06/2025: thực hiện công tác tuyên truyền, công bố, công khai.

+ Ngày 11/06/2025: Nhà trường tiến hành nhận hồ sơ tuyển sinh (*Lưu ý: Nhận tất cả các hồ sơ trẻ có nhu cầu*)

+ Ngày 12/06/2025: Hội đồng tuyển sinh tiến hành xét duyệt hồ sơ và lập danh sách trẻ trúng tuyển năm học 2025–2026.

+ Ngày 20/6/2025 trình phòng GD&ĐT phê duyệt danh sách trẻ được tuyển sinh năm học 2025-2026.

+ Công khai danh sách trẻ trúng tuyển năm học 2025-2026.

b) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục;

Trẻ ăn bán trú 100%; 100% trẻ đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần, sử dụng phần mềm Viettec

Trẻ SDD thể nhẹ cân 1,9%; thừa cân 1,1%; béo phì 1,5%; thể thấp còi 7,7%

TT	Mục tiêu lĩnh vực phát triển	Nhà trẻ	Mẫu giáo
1	Lĩnh vực phát triển thể chất	93,4%	97,2%
2	Lĩnh vực phát triển nhận thức	89%	95,1%
3	Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	90,1%	96,1%
4	Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ		95,9%
5	Lĩnh vực phát triển tình cảm XH	91,2%	96,4%
	Kết quả chung	90,9%	96,1%

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của học kỳ 1:

Tổng số trẻ em **467** cháu; tổng số nhóm, lớp **15**; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp **31,2** cháu; Số trẻ em học 02 buổi/ngày **467** cháu; Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú **467** cháu; Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ **467** cháu; Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi **133** cháu; Số trẻ em khuyết tật **04** cháu (trong đó: 5 tuổi 1 cháu, 4 tuổi 2 cháu và 3 tuổi: 1 cháu).

VII. Cách thức công khai

1. Công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục:

VIII. Thời gian công khai, trách nhiệm tổ chức thực hiện.

1. Thời điểm công khai: Ngày 30 tháng 12 năm 2026.

Công bố công khai trong cuộc họp Hội đồng sư phạm. Niêm yết bảng tin.

1.1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm: Tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch công khai của năm 2025 – 2026 và kế hoạch triển khai kế hoạch công khai của năm học 2026 – 2027.

1.2. Phó hiệu trưởng: Công khai mẩu hình phụ trách

Kế hoạch giáo dục tháng, trước ngày 25 của tháng trước (Đ/c Ngà PHT);

Dự kiến thực đơn hàng ngày/tuần ngày thứ Bảy của tuần trước (Đ/c Tân PHT);

1.3. Giáo viên: Kế hoạch giáo dục tuần, ngày; zalo của nhóm, lớp, bảng tin.

1.4. Nhân viên kế toán: Thực hiện công khai các quỹ có từ ngân sách nhà nước và các quỹ khác trong nhà trường. Thực hiện niêm yết các mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính. Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học. Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, các khoản phụ cấp theo lương, chi thường xuyên; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị. Báo cáo tài chính năm trước thì cập nhật tính đến hết thời gian quyết toán của cơ quan có thẩm quyền. (Đ/c Dung kế toán)

1.5. Nhân viên y tế; công khai tình hình sức khỏe của trẻ, các dịch bệnh, các thông báo khác, quyết toán các khoản thu

1. 6. Nhân viên nhà bếp; Công khai tên món ăn, thành phẩm món ăn.

2. Thời gian công khai trên cổng thông tin điện tử tối thiểu là 05 năm kể từ ngày công bố công khai. thư điện tử mndienphu.dc@nghean.edu.vn , cổng thông tin điện tử Websitet mamnondienphutanchau.edu.vn; chuyenmondienphu@gmail.com; nhóm zalo lớp; nhóm bếp; nhóm giáo viên Diễn Phú

Nơi nhận:

- Xã Tân Châu (b/c)
- Tổ CM, bộ phận.(t/h)
- Lưu HS

HIỆU TRƯỞNG

Cao Thị Hải Yến

